| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC QUANG**<br>**TỈNH HÀ GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 72/2024/HS-ST
Ngày 23-10-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Tuấn Vĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lăng Đức Quang

Ông Nguyễn Hồng Diện

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. Nông Văn Đ**, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1983 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002083005838 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/5/2022; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (đã chết) và bà Lường Thị N, sinh năm 1960; có vợ là Vầy Thị V, sinh năm 1991; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/8/2011 bị UBND huyện B xử phạt số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) về hành vi vi phạm quy định về thăm dò khoáng sản (đã chấp hành xong ngày 02/8/2011); ngày 13/7/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 01 năm 08 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc theo Bản án số 33/2021/HS-ST, đến ngày 04/4/2023 chấp hành xong hình phạt (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**2. Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1974 tại huyện T, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002085005983 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành

chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/5/2022; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938; có vợ là Nguyễn Thị N1 sinh năm 1985 (đã ly hôn); có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**3. Hoàng Văn C**, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1980 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002080006727 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/7/2021; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình S, sinh năm 1959 và bà Lương Thị S1 sinh năm 1956; có vợ là Hoàng Thị G, sinh năm 1978; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/5/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Giao cấu với trẻ em tại Bản án số 37/HSST (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**4. Hỏa Thị Minh T2**, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1988 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002188000146 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/7/2022; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hỏa Văn T3 và bà Đỗ Thị P (đều đã chết); có chồng là Bùi Ngọc Đ1, sinh năm 1987 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16/9/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 09 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc tại Bản án số 44/2022/HS-ST, đến ngày 24/7/2023 chấp hành xong hình phạt (đã được xóa án tích), bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**5. Bàn Văn N2**, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1985 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002085005983 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/5/2022; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn T4 và bà Đặng Thị N3 (đều đã chết); có vợ là Lý Thị T5, sinh năm 1990; có 02 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không, bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**6. Nguyễn Thị H1**, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1975 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002175001343 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/4/2021; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị L1 (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1975; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án,

tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**7. Đào Ngọc H3**, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1982 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002082002317 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/01/2023; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Ngọc L2, sinh năm 1952 và bà Mai Thị Đ2, sinh năm 1960; có vợ là Trưởng Thị H4, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Anh Phạm Văn T6, sinh năm 1990; vắng mặt.

+ Anh Đào Văn L3, sinh năm 1994; vắng mặt.

+ Anh Đỗ Văn H5, sinh năm 1997; vắng mặt.

+ Anh Lý Văn M, sinh năm 1977; vắng mặt.

+ Anh Linh Văn L4, sinh năm 1995; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị L5, sinh năm 1993; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn S2, sinh năm 1990; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 07/8/2024 tại gian bếp (*bỏ không, không có người ở*) của gia đình chị Nguyễn Thị L5, sinh năm 1993 trú tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, Tổ công tác Công an huyện B phát hiện có 07 (*bảy*) đối tượng gồm: Nông Văn Đ sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã T, huyện B; Nguyễn Văn T1 sinh năm 1974 và Đào Ngọc H3 sinh năm 1982 cùng trú tại thôn K, xã T, huyện B; Bàn Văn N2 sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã T, huyện B; Hoàng Văn C sinh năm 1980, trú tại thôn T, xã V, huyện B; Nguyễn Thị H1 sinh năm 1975 và Hỏa Thị Minh T2 sinh năm 1988 cùng trú tại Tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang đang đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các đồ vật, tài sản liên quan để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang các đối tượng khai nhận: Trưa ngày 07/8/2024, Nông Văn Đ mời Nguyễn Văn T1, Bàn Văn N2, Đào Ngọc H3, Hỏa Thị Minh T2, Phạm Văn T6 sinh năm 1990, trú tại thôn V, xã V, huyện B; Lý Văn M sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã V, huyện B và Linh Văn L4 sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang đến nhà Được tại thôn K, xã T,

huyện B, tỉnh Hà Giang để ăn cơm, uống rượu. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm, uống rượu xong, trong lúc ngồi nói chuyện Được rủ mọi người đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng thì T1, N2, H3 đồng ý. Được biết đằng sau vườn nhà chị Nguyễn Thị L5, sinh năm 1993, trú tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang *(cách nhà Được khoảng 500 mét)* có một gian bếp không có người ở từ lâu nên Được đã dẫn T1, N2, H3 đến gian bếp nhà L5 để đánh bạc, còn T6 và L4 không biết Được rủ mọi người đánh bạc nhưng thấy mọi người đi theo Được cũng đi cùng, M không mang theo tiền nên không tham gia mà chỉ đi cùng mọi người xem đánh bạc, Hỏa Thị Minh T2 đến sau biết Được dẫn mọi người đi đánh bạc nên cũng đi theo để tham gia đánh bạc. Khi mọi người đến gian bếp nhà L5, Đ bảo H3 đi đón Đào Văn L3, sinh năm 1994, trú tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang đến để cùng tham gia đánh bạc. H3 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu đen trắng, BKS 30G-679.17 *(xe mượn của em rể là Nguyễn Văn S2, sinh năm 1990, trú tại Thôn D, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, khi mượn xe H3 không nói cho S2 biết việc mượn xe để đi đánh bạc và đón người để đánh bạc)* chở theo T1. Khi đến nơi, H3 và T1 gặp Đào Văn L3, Đỗ Văn H5 sinh năm 1997, trú tại tổ dân phố B, thị trấn V, huyện B; Hoàng Văn C sinh năm 1980, trú tại thôn T, xã V, huyện B và Nguyễn Thị H1 sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang đang ngồi ăn cơm, uống rượu tại nhà L3. H3 bảo với L3, Đ rủ vào trong thôn K, xã T, huyện B để đánh bạc, L3 đồng ý đi cùng H3. C và H5 hỏi L3 *"đi đâu đấy",* L3 nói *"đi vào xem họ đánh bạc với tao"*, C và H5 đồng ý đi cùng. H1 nghe thấy L3 rủ C và H5 đi vào trong Tiên Kiều xem đánh bạc nên bảo L3 cho đi cùng. Sau đó H3 điều khiển xe ô tô đưa T1, L3, C, H5, H1 đến gian bếp (*không có người ở*) phía sau nhà L5. Sau khi H3 đưa mọi người đến, Được bẻ một que đóm làm bằng cây tre thành 04 *(bốn)* mảnh bằng nhau rồi dùng một chiếc bút tô màu đen một mặt để làm quân bạc, Được lấy một chiếc bát sứ, một chiếc đĩa sứ có sẵn tại gian bếp nhà L5 đi rửa để sử dụng làm bát, đĩa xóc cái rồi đặt lên chiếc chiếu đã được trải từ trước dưới sàn và sử dụng 05 *(năm)* quân tú lơ khơ cầm theo sẵn từ nhà để làm bảng vị. Sau đó Đ, T1, N2, C, H3, H1, T2 cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Quá trình đánh bạc T1 là người cầm cái xóc cho những người khác đặt cược, Đ là người cầm bảng vị, T6, L3, M, H5, L4 đi lại xung quanh xem những người trên đánh bạc. T6 và L3 bảo với những người chơi nếu ai thua hết tiền sẽ cho vay để tiếp tục đánh bạc, tuy nhiên trong lúc đánh bạc không ai vay tiền của T6 và L3.

Các đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa và chơi bảng vị, sát phạt nhau bằng tiền việt Nam đồng, cách chơi được quy định như sau:

- Đối với hình thức xóc đĩa, người cầm cái là người dùng 01 *(một)* chiếc đĩa bên trên có chứa 04 *(một)* quân bạc bằng que đóm một mặt màu đen, một mặt màu trắng. Bắt đầu mỗi ván người cầm cái dùng một chiếc bát đậy kín lên chiếc đĩa chứa 04 *(bốn)* quân bạc và dùng tay xóc nhiều lần. Khi xóc xong thì đặt bát đĩa vẫn còn đậy kín xuống sàn, những người tham gia đánh bạc dùng tiền của mình đặt cược vào số lượng quân bạc có mặt màu trắng và mặt màu đen. Khi đánh bạc các đối tượng thỏa thuận không giới hạn mức đặt tiền cược tối thiểu hoặc tối đa. Tiền đặt cược phía bên tay phải của người cầm cái là tiền đặt cho bên chẵn. Tiền đặt cược phía bên tay

trái của người cầm cái là tiền đặt cho bên lẻ. Sau khi những người tham gia đánh bạc đặt tiền xong người cầm cái sẽ mở bát. Nếu số quân bạc màu trắng và số quân bạc màu đen bên trên chiếc đĩa sau khi xóc là số chẵn (*có 02 quân bạc màu trắng và 02 quân bạc màu đen hoặc cả 04 quân bạc đều có màu trắng hoặc màu đen)* thì người đặt cược bên chẵn thắng, người đặt cược bên lẻ thua. Nếu số quân bạc màu trắng và số quân bạc màu đen bên trên chiếc đĩa sau khi xóc là số lẻ *(có 03 quân bạc màu trắng và 01 quân bạc màu đen hoặc 03 quân bạc màu đen và 01 quân bạc màu trắng)* thì người đặt cược bên lẻ thắng, người đặt cược bên chẵn thua. Người thắng sẽ được nhận về số tiền tương ứng đã bỏ ra để đặt cược từ người cầm cái. Người thua sẽ mất số tiền đã bỏ ra để đặt cược cho người cầm cái.

- Đối với hình thức bảng vị, người cầm bảng vị sẽ đưa ra 05 *(năm)* quân bài tú lơ khơ là 2 cơ, 3 tép, 3 cơ, 4 tép, 4 cơ để những người tham gia đánh bạc đặt cược trước mỗi ván xóc đĩa. Sau khi kết thúc mỗi ván sẽ dựa vào số lượng quân bạc màu đen và màu trắng trên đĩa để phân định thắng thua.

+ Người nào đặt cược tiền vào quân 2 cơ, tương ứng với sau ván xóc đĩa có 02 *(hai)* quân bạc màu đen và 02 *(hai)* quân bạc màu trắng thì người đó sẽ thắng và nhận về gấp 2,5 lần số tiền đã bỏ ra để đặt cược từ người cầm bảng vị.

+ Người nào đặt cược tiền vào quân 3 *(3 tép hoặc 3 cơ)* tương ứng với sau ván xóc đĩa có 03 *(ba)* quân bạc màu đen và 01 *(một)* quân bạc màu trắng hoặc 03 *(ba)* quân bạc màu trắng và 01 *(một)* quân bạc màu đen thì người đó thắng và nhận về gấp 03 lần số tiền đã bỏ ra để đặt cược từ người cầm bảng vị.

+ Người nào đặt cược tiền vào quân 4 *(4 tép hoặc 4 cơ)* tương ứng sau ván xóc đĩa có 04 *(bốn)* quân bạc màu đen hoặc 04 *(bốn)* quân bạc màu trắng thì người đó thắng và nhận về gấp 10 lần số tiền đã bỏ ra để đặt cược từ người cầm bảng vị.

+ Nếu sau mỗi ván số lượng quân bạc màu đen và màu trắng trên đĩa không tương ứng với quân tú lơ khơ mà những người tham gia đánh bạc đã đặt cược thì người cầm bảng vị thắng và nhận được số tiền đã bỏ ra để đặt cược của họ.

Trong quá trình đánh bạc, Được có xin của N2 số tiền 200.000 đồng để mua nước ngọt về cho mọi người và được N2 đồng ý. Số tiền này sau đó Đ đã sử dụng hết để mua nước ngọt cho những người có mặt tại gian bếp uống.

Các đối tượng đánh bạc đến 14 giờ 30 phút ngày 07/8/2024 thì bị tổ công tác Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 15.640.000đ *(mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)* và các đồ vật, tài liệu là vật chứng của vụ án. Quá trình điều tra đã xác định được số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc gồm: Nông Văn Đ sử dụng số tiền là 5.650.000đ (*năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); Nguyễn Văn T1 sử dụng số tiền 7.020.000đ (*bảy triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*); Bàn Văn N2 mang theo số tiền 1.700.000đ trong đó đưa cho Được 200.000đ để mua nước uống, còn số tiền 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; Hoàng Văn C sử dụng số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*); Đào Ngọc H3 sử dụng số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*); Nguyễn Thị H1 sử dụng số tiền 220.000đ *(hai trăm hai mươi nghìn đồng)*; Hỏa Thị Minh T2 sử dụng số tiền 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*).

Ngày 30/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 663/QĐ-CSHS, trưng cầu phòng K Công an tỉnh H giám định đối với tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc và của những người liên quan là 68.782.000đ *(sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng)* gồm 159 *(một trăm năm mươi chín)* tờ tiền có các mệnh giá khác nhau là tiền thật hay giả?

Tại Kết luận giám định số 326/KL-KTHS ngày 05/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: 159 *(một trăm năm mươi chín)* tờ tiền Việt Nam gửi giám định là tiền thật.

Với chứng cứ và hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 66/CT-VKSBQ ngày 07/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố đối với các bị cáo: Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2, Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố;

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2, Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 phạm tội "Đánh bạc".

- Về điều luật và hình phạt, đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Nông Văn Đ từ 10 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 08 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn C, đề nghị xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn C từ 07 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hỏa Thị Minh T2, đề nghị xử phạt: Bị cáo Hỏa Thị Minh T2 từ 07 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Hoàng Văn C cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Hỏa Thị Minh T2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối

hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự; "Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bàn Văn N2, đề nghị xử phạt: bị cáo Bàn Văn N2 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đào Ngọc H3, Nguyễn Thị H1, đề nghị xử phạt: Bị cáo Đào Ngọc H3, Nguyễn Thị H1 mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án. Giao các bị cáo Bàn Văn N2, Đào Ngọc H3 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Bàn Văn N2, Đào Ngọc H3, Nguyễn Thị H1. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo Bàn Văn N4, Đào Ngọc H3, Nguyễn Thị H1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần;

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo trong vụ án đều lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo trong vụ án này theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Các bị cáo Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bàn Văn N2.

Phần tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đều nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội đánh bạc của các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các vật chứng đã thu giữ tại hiện trường. Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Sơ đồ hiện trường thể hiện vị trí ngồi tham gia đánh bạc, bản ảnh hiện trường; Kết luận giám định số 326/KL-KTHS ngày 05/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh H, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 07/8/2024 tại gian bếp (*không có người ở*) của gia đình chị Nguyễn Thị L5, sinh năm 1993, trú tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang có các đối tượng gồm Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Hỏa Thị Minh T2, Hoàng Văn C, Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, hình thức xóc đĩa và chơi bảng vị. Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 15.640.000đ (*mười năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*). Do đó, các bị cáo Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Hỏa Thị Minh T2, Hoàng Văn C, Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

*"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

[5] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Hỏa Thị Minh T2, Hoàng Văn C, Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng là khách thể được pháp luật Nhà nước ta bảo vệ, hành vi đó còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi đánh bạc của mình là trái pháp luật nhưng do ham vui, không làm chủ được bản thân, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc. Trong vụ án này, các bị cáo đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa và chơi bảng vị với mục đích được thua bằng tiền. Động cơ, mục đích đánh bạc của các bị cáo là vì tư lợi, nhằm sát phạt tiền là tài sản của nhau, vì vậy cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục đối với các bị cáo và để răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Trong vụ án này, các bị cáo sử dụng số tiền vào đánh bạc cụ thể như sau: Nông Văn Đ sử dụng số tiền là 5.650.000đ (*năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); Nguyễn Văn T1 sử dụng số tiền 7.020.000đ (*bảy triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*); Bàn Văn N2 sử dụng số tiền 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*); Hoàng Văn C sử dụng số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*); Đào Ngọc H3 sử dụng số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*); Nguyễn Thị H1 sử dụng số tiền 220.000đ *(hai trăm hai mươi nghìn đồng)*; Hỏa Thị Minh T2 sử dụng số tiền 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*).

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp bột phát, không có sự bàn bạc, câu kết hay phân công lẫn nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử phân hóa vai trò các bị cáo như sau:

[9] Đối với bị cáo Nông Văn Đ là người khởi sướng, rủ mọi người đánh bạc, chuẩn bị công cụ sử dụng vào mục đích đánh bạc, đồng thời là người cầm bảng vị đặt cược với các con bạc khác. Bị cáo Nguyễn Văn T1 là người cầm cái xóc đĩa, đặt cược với các con bạc khác. Do vậy, trong vụ án này bị cáo Nông Văn Đ là người có vai trò cao nhất trong vụ án, vị trí thứ hai là bị cáo Nguyễn Văn T1, sau đó là các bị cáo còn lại.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về nhân thân đối với từng bị cáo: Các bị cáo Nông Văn Đ, Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2 là người có nhân thân chưa tốt; còn lại các bị cáo Nguyễn Văn T1, Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 đều có nhân thân tốt.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo Nguyễn Văn T1, Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định

tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nông Văn Đ, Hoàng Văn C, Bàn Văn N2 là người dân tộc thiểu số, bị cáo Hỏa Thị Minh T2 có người thân có công với đất nước nên các bị cáo Nông Văn Đ, Hoàng Văn C, Bàn Văn N2, Hỏa Thị Minh T2 đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

[13] Về hình phạt đối với các bị cáo: Trên cơ sở đánh giá vai trò của từng bị cáo và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, số tiền sử dụng trực tiếp vào việc đánh bạc của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp.

[14] Đối với bị cáo Nông Văn Đ phạm tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo Đ là người khởi sướng, rủ mọi người đánh bạc, chuẩn bị công cụ để mọi người đánh bạc, đồng thời làm bảng vị đặt cược với các con bạc khác nên giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo Nông Văn Đ ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, mới đủ tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, để bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội;

[15] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 giữ vai trò thứ hai, bị cáo là người cầm cái và xóc đĩa, đặt cược với các con bạc khác. Các bị cáo Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2 có nhân thân không tốt, tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và xét thấy trong thời gian tại ngoại các bị cáo không có hành vi bỏ trốn, không có hành vi vi phạm pháp luật, nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2 mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[16] Đối với các bị cáo Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1 và Đào Ngọc H3 đều là người có nhân thân tốt. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, ngoài lần phạm tội này ra các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự, cũng đủ răn đe giáo dục đối với các bị cáo, thời gian các bị cáo Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1 và Đào Ngọc H3 bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024 được quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian quy đổi được trừ vào thời gian chấp hành án. Ngoài ra, Hội đồng xét xử, xét thấy các bị cáo Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1 và Đào Ngọc H3 là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3

Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1 và Đào Ngọc H3 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

[17] Tiếp tục áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nông Văn Đ để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đ kể từ ngày tuyên án cho đến khi bị cáo Đ đi chấp hành án phạt tù.

[18] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo trong vụ án chủ yếu đều lao động tự do, không có thu nhập ổn định, các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo trong vụ án này theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[19] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[20] Đối với những vật chứng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tạm giữ, quá trình điều tra xác định các vật chứng đó không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại giai đoạn điều tra, ngày 16/8/2024 và ngày 07/9/2024 Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài sản, trả lại cho các chủ sở hữu, các chủ sở hữu không có ý kiến gì, việc trả lại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[21] Đối với những vật chứng gồm 01 bát sứ màu trắng, đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng, đã qua sử dụng; 05 quân tú lơ khơ, đã qua sử dụng; 04 quân bạc bằng tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 bút màu đen, đã qua sử dụng; 01 chiếu nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 thảm xốp màu trắng, đã qua sử dụng. Xét thấy đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi đánh bạc, không có giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[22] Đối với số tiền 15.640.000đ *(Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)* là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[23] Trong vụ án này: Đối với Phạm Văn T6, Đào Văn L3, Đỗ Văn H5, Lý Văn M, Linh Văn L4 có mặt tại nơi đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc. Chị Nguyễn Thị L5 là chủ nhà nhưng không biết việc các bị cáo sử dụng gian bếp (*không có người ở*) phía sau nhà mình để đánh bạc đánh bạc và cũng không được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc của các bị cáo. Đối với Nguyễn Văn S2 là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu đen trắng, BKS 30G-679.17 không biết việc H3 mượn xe ô tô của mình để phục vụ mục đích tham gia đánh bạc, không được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc của H3. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý đối với Phạm Văn T6, Đào Văn L3, Đỗ Văn H5, Lý Văn M, Linh Văn L4, Nguyễn Thị L5, Nguyễn Văn S2 là có căn cứ nên HĐXX không xem xét.

[24] Về án phí: Các bị cáo Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo

quy định của pháp luật. Bị cáo Bàn Văn N2 thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn Đ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 65, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 65, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bàn Văn N2.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12, điều 14, điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2, Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp án hình phạt tù, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024;

Tiếp tục áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nông Văn Đ để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đ kể từ ngày tuyên án cho đến khi bị cáo Đ đi chấp hành án phạt tù.

+ Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Xử phạt các bị cáo Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2 mỗi bị cáo 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Hoàng Văn C cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Hỏa Thị Minh T2 cho UBND thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát,

giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự;

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

+ Xử phạt bị cáo Bàn Văn N2 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 27 ngày tạm giữ đã quy đổi, hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 và bị cáo Đào Ngọc H3 mỗi bị cáo là 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ 27 ngày tạm giữ đã quy đổi, hình phạt còn lại của mỗi bị cáo phải chấp hành là 11 (mười một) tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ;

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nơi các bị cáo cư trú và làm việc nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo Bàn Văn N2 và Đào Ngọc H3 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho UBND thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo Bàn Văn N2, Nguyễn Thị H1 và Đào Ngọc H3 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Bàn Văn N2, Đào Ngọc H3, Nguyễn Thị H1. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo Bàn Văn N2, Đào Ngọc H3, Nguyễn Thị H1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần;

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng, đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng, đã qua sử dụng; 05 quân tú lơ khơ, đã qua sử dụng; 04 quân bạc bằng tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 bút màu đen, đã qua sử dụng; 01 chiếu nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 thảm xốp màu trắng, đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước tiền Ngân hàng N5 là 15.640.000đ (*Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 10/10/2024).*

4. Về án phí: Các bị cáo Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn C, Hỏa Thị Minh T2, Nguyễn Thị H1, Đào Ngọc H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Bàn Văn N2 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**Nơi nhận:**
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã, thị trấn nơi các bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hà Tuấn Vĩnh**